

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 01 - 2022.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Phạm Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đồng Thị M**, sinh năm 1993.

HKTT: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Trọng T**, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người liên quan: Bà Phạm Thị L - sinh năm 1958 (mẹ đẻ anh T)

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị M, anh T và bà L đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị M trình bày:
Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/12/2011. Sau khi kết hôn, chị và anh T tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hạnh phúc, vợ chồng đều làm công nhân

tại công ty may, thu nhập đủ trang trải cuộc sống. Năm 2013, chị sinh con nên không đi làm được, dẫn đến kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, to tiếng với nhau. Năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, dẫn đến tình cảm rạn nứt. Tháng 5/2015, chị xuất khẩu đi lao động tại Nga cho đến tháng 8/2021 thì chị về nước, còn anh T xuất khẩu đi lao động tại Đài Loan cho đến nay chưa về nước, thời gian đầu hai bên thỉnh thoảng có liên lạc qua điện thoại để thăm hỏi, động viên nhau nhưng sau đó anh chị không còn quan tâm với nhau, kinh tế hoàn toàn riêng rẽ. Chị xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay nên tình cảm của chị đối với anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Trung Đ, sinh ngày 21/3/2013. Cháu Đ hiện đang do gia đình anh T chăm sóc từ khi vợ chồng đi lao động nước ngoài cho đến nay, chị và anh T vẫn gửi tiền về cho gia đình để nuôi dưỡng con chung. Anh T có quan điểm xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng, chị hoàn toàn đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Chị đề nghị Tòa án xác minh qua mẹ đẻ anh T là bà Phạm Thị L, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bà Phạm Thị L (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Chị M và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào năm 2011. Sau khi kết hôn, chị M về gia đình bà sinh sống, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2013 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, to tiếng cãi chửi nhau nhiều lần. Năm 2015 chị M đi lao động tại Nga, sau đó đến năm 2016 anh T đi lao động tại Đài Loan, anh chị nhờ vợ chồng bà ở nhà trông nom, chăm sóc con chung, thỉnh thoảng anh chị gửi tiền về để nuôi con. Bà được biết do anh chị sống mỗi người một nơi, không thường xuyên quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đều không muốn quay về chung sống nhau. Nay chị M làm đơn ly hôn anh T là quyết định của anh chị ấy, gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho anh T biết về việc chị M làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Qua trao đổi anh T không cho bà biết địa chỉ cụ thể ở Đài Loan nên bà không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh T cho Tòa án được, anh T cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án nhưng có quan điểm xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm không còn, không muốn quay về chung sống với chị M nữa nên hoàn toàn nhất trí ly hôn; Về con chung: anh T có nguyện vọng xin được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền

nuôi con chung và nhờ bà chăm sóc cháu Đ cho đến khi anh T về nước trực tiếp nuôi con. Bà hoàn toàn đồng ý thay mặt anh T trông nom, chăm sóc cháu Đ và không yêu cầu phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung: anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 27260/QLXNC-P5 ngày 15/11/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Hoàng Trọng T, sinh ngày 08/05/1983, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 03/5/2016 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B8869522, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tổ tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đồng Thị M được ly hôn anh Hoàng Trọng T; Về con chung: Xử giao anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hoàng Trung Đức, sinh ngày 21/03/2013 cho đến khi con trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Đ cho bà Phạm Thị L trông nom, chăm sóc cho đến khi anh T về nước trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đồng Thị M và người liên quan là bà Phạm Thị L đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, bà L.

Anh Hoàng Trọng T là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị M cũng như bà L (là mẹ đẻ anh T) cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/12/2011. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc cho đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm rạn nứt. Tháng 5/2015 chị M xuất khẩu đi lao động tại Nga, còn anh T đi lao động tại Đài Loan tháng 5/2016, con chung của anh chị ở nhà do bố mẹ đẻ anh T chăm sóc nhưng anh chị vẫn gửi tiền về cho gia đình để nuôi dưỡng. Từ khi anh chị sống xa cách mỗi người một nơi, thời gian đầu hai bên thỉnh thoảng gọi điện thoại thăm hỏi, động viên nhau, sau đó ít liên lạc và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, kinh tế của ai người đó quản lý. Tháng 8/2021, chị M về nước nhưng không sinh sống tại gia đình anh T cùng với con mà về gia đình bố mẹ đẻ ở; anh T hiện vẫn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Nay chị M xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình, anh T có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn quay về chung sống với chị M nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Trung Đ, sinh ngày 21/3/2013, hiện đang ở với gia đình anh T do bà L trực tiếp chăm sóc. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con; cháu Đ có nguyện vọng xin được ở với bố. Do anh T chưa về Việt Nam nên anh nhờ mẹ đẻ là bà Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh về trực tiếp nuôi con. Bà L hoàn toàn nhất trí và không yêu cầu anh T thanh toán phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Chị M cũng xác định cháu Đ được gia đình anh T chăm sóc chu đáo, đảm bảo việc học hành và không muốn xáo trộn cuộc sống của con nên hoàn toàn nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét hai bên thống nhất được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của con, cần giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Trung Đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cần tạm giao cháu Đ cho bà Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị M, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đồng Thị M được ly hôn anh Hoàng Trọng T.

2. Về con chung: Giao anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hoàng Trung Đ, sinh ngày 21/03/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Đ cho bà Phạm Thị L (mẹ đẻ anh T) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đồng Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2020/0004266 ngày 12/10/2021. Chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M và bà L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã K, huyện K, Hải Dương
(để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mạc Minh Quang